



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Tháng 2

Số 14 (15/02/2010)

MỤC LỤC

Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Trang
---------------	--------------------	-------

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- | | | |
|------------|---|----|
| 18-01-2010 | Chỉ thị số 02/2010/CT-UBND về tập trung triển khai các giải pháp chủ yếu để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách thành phố năm 2010. | 2 |
| 18-01-2010 | Quyết định số 222/QĐ-UBND về điều chỉnh Quyết định số 4833/QĐ-UB ngày 10 tháng 11 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) Khu tái định cư (30,224ha) phường Bình Khánh, quận 2. | 7 |
| 20-01-2010 | Quyết định số 05/2010/QĐ-UBND ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh. | 19 |
| 21-01-2010 | Quyết định số 338/QĐ-UBND về ban hành Kế hoạch triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2010 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. | 37 |

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5

- | | | |
|------------|---|----|
| 21-01-2010 | Quyết định số 01/2010/QĐ-UBND ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận 5. | 47 |
|------------|---|----|

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2010/CT-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2010

CHỈ THỊ**Về tập trung triển khai các giải pháp chủ yếu để
thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội
và ngân sách thành phố năm 2010**

Năm 2010 là năm cuối thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ VIII đã xác định; là năm đất nước và thành phố tiếp tục nỗ lực phấn đấu phục hồi tốc độ và lấy lại đà tăng trưởng kinh tế sau khi bị ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế thế giới trong các năm 2008, 2009; là năm có nhiều ngày lễ lớn và sự kiện trọng đại của đất nước, đồng thời cũng là năm tiến hành Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI.

Trên cơ sở những kết quả đạt được về kinh tế - xã hội và thu chi ngân sách thành phố năm 2009 và để tiếp tục phát huy tinh thần năng động, sáng tạo, tận dụng thời cơ, vượt qua khó khăn thách thức, hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và thu chi ngân sách năm 2010, tạo tiền đề để phấn đấu hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của thành phố và đạt mức cao nhất các chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và thu chi ngân sách 5 năm 2006 - 2010, chuẩn bị các điều kiện cần thiết để xây dựng và thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015.

Ủy ban nhân dân thành phố chỉ thị Thủ trưởng các sở - ban - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc các Tổng Công ty và doanh nghiệp trực thuộc thành phố:

1. Tổ chức quán triệt trong đội ngũ cán bộ, công chức đang công tác tại cơ quan, đơn vị về mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu của Nghị quyết số 03/NQ-CP

ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2010, Nghị quyết Hội nghị Thành ủy lần thứ 18 Khóa VIII, Nghị quyết số 21/2009/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng nhân dân thành phố về dự toán, phân bổ ngân sách thành phố năm 2010, Nghị quyết số 28/2009/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng nhân dân thành phố về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2010, Quyết định số 04/2010/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách thành phố, Chương trình công tác của Ủy ban nhân dân thành phố năm 2010 và các chương trình, kế hoạch có liên quan; nâng cao nhận thức, xây dựng ý thức trách nhiệm, nỗ lực phấn đấu vượt qua mọi khó khăn, thử thách, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao ngay từ những tháng đầu năm 2010. Phấn đấu hoàn thành đạt và vượt 22 chỉ tiêu chủ yếu về kinh tế - xã hội, môi trường và đô thị; trong đó nỗ lực phấn đấu để tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) năm 2010 đạt từ 10% trở lên, vượt dự toán kế hoạch thu ngân sách năm 2010.

2. Căn cứ Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội thành phố năm 2010, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị và địa phương chủ động xây dựng kế hoạch cụ thể để tổ chức thực hiện và ban hành ngay để triển khai. Nội dung kế hoạch phải bao quát hoạt động của các ngành, các thành phần kinh tế trên địa bàn thành phố, kết hợp chặt chẽ giữa kế hoạch phát triển kinh tế với kế hoạch phát triển văn hóa - xã hội, tiếp tục giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội, hoạt động đối ngoại; những giải pháp và biện pháp tổ chức thực hiện phải cụ thể, phân công trách nhiệm rõ ràng cho từng cơ quan đơn vị; xác định rõ phương thức, điều kiện và thời gian tổ chức thực hiện; đồng thời phải tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy hoàn thành nhiệm vụ được giao. Hàng tháng, hàng quý phải sơ kết rút kinh nghiệm để kịp thời chỉ đạo khắc phục các mặt trì trệ, thiếu sót; đề xuất, kiến nghị tháo gỡ các vướng mắc trong thực tiễn.

3. Đối với các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, nhất là các chương trình, công trình trọng điểm, đôn bẩy để thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ VII và VIII, phải thực thi ngay những biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư, đẩy nhanh tiến độ thi công, chất lượng công trình, chống lãng phí, thất thoát, khắc phục từng bước tình trạng quá tải do ùn tắc giao thông và vệ sinh môi trường. Ưu tiên bố trí vốn ngân sách cho các công trình trọng điểm, phát triển hạ tầng giao thông, nông nghiệp và nông thôn, giáo dục và đào tạo, y tế, khoa học công nghệ và một số lĩnh vực xã hội cấp bách. Tổ chức triển khai kịp thời các văn bản pháp luật liên quan đến

đầu tư, xây dựng, kinh doanh, đấu thầu, quản lý và sử dụng đất đai, tạo mọi điều kiện và môi trường thuận lợi để các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế phát triển sản xuất kinh doanh, đóng góp ngày càng nhiều vào tăng trưởng kinh tế thành phố. Tăng cường nghiên cứu, triển khai có hiệu quả các chương trình chống ngập, chương trình hạn chế tác hại của hiệu ứng nhà kính, mực nước biển dâng.

4. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về quản lý, sử dụng ngân sách và tài sản công; hoạt động kiểm tra, kiểm soát thị trường; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về giá, gian lận thương mại, đầu cơ, buôn lậu nhằm đảm bảo thực hiện bình ổn giá đối với các mặt hàng thiết yếu; theo dõi sát diễn biến thị trường trong và ngoài nước để kịp thời có các giải pháp nhằm bình ổn thị trường, ngăn chặn nguy cơ lạm phát quay trở lại, góp phần bảo đảm an sinh xã hội và duy trì tăng trưởng kinh tế ổn định. Xây dựng và phát triển, quản lý đồng bộ các thị trường tài chính, tiền tệ, bất động sản, thị trường chứng khoán; đẩy mạnh phát triển và nâng cao chất lượng các ngành dịch vụ, kinh tế, kỹ thuật trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của thành phố.

5. Tổ chức thực hiện có hiệu quả Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; triển khai thực hiện “Năm 2010 - Năm thực hiện nếp sống văn minh - mỹ quan đô thị” tại từng cơ quan, đơn vị, địa phương; nội dung phải cụ thể, thiết thực, có trọng tâm; phải thường xuyên tổ chức đợt hoạt động cao điểm, tạo sự chuyển biến căn bản về nhận thức và hành động của nhân dân thành phố trong việc chấp hành pháp luật về trật tự, an toàn, giao thông; giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường; giao tiếp - ứng xử văn minh nơi công cộng và xây dựng mỹ quan đô thị, làm xanh - sạch - đẹp đường phố.

6. Tiếp tục đẩy mạnh Chương trình cải cách hành chính, hoàn thành việc thực hiện giai đoạn 2 Đề án 30 về cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm tối thiểu 30% các thủ tục hành chính không phù hợp; gắn cải cách hành chính với công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, quan liêu, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; giải quyết kịp thời các đơn thư khiếu nại, tố cáo, tụ tập đông người. Tăng cường kiểm tra, thanh tra công vụ, kiểm soát được các đầu mối công việc trong nội bộ của các sở, ngành thành phố, Ủy ban nhân dân các cấp, kể cả trách nhiệm người đứng đầu để phát hiện kịp thời các nguy cơ dẫn đến tiêu cực, quan liêu, tham nhũng. Tiếp tục hoàn tất thực hiện thí điểm và sơ kết tình hình thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân quận, huyện, phường theo Nghị quyết của Quốc hội và chỉ đạo của Chính phủ. Xây dựng và ban hành quy chế tổ chức và hoạt động các cơ quan hành chính và các phòng ban chuyên môn quận - huyện phù hợp với sự điều chỉnh về chức năng, nhiệm vụ, quyền

hạn theo quy định của Trung ương. Đặc biệt là nâng cao tinh thần, trách nhiệm, ý thức phụng sự tổ quốc, phục vụ nhân dân của người đứng đầu các cơ quan đơn vị.

7. Tập trung lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng và an ninh; tiếp tục giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn thành phố; chủ động phát hiện, kiên quyết đấu tranh ngăn chặn làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch. Tiếp tục thực hiện có kết quả các chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm và các tệ nạn xã hội. Kết hợp chặt chẽ quốc phòng với an ninh, kinh tế, đối ngoại. Hoàn thành chỉ tiêu tuyển quân năm 2010 ở cả 3 cấp với chất lượng ngày càng cao. Hạn chế thấp nhất tình trạng cháy, nổ xảy ra trên địa bàn; phấn đấu kéo giảm tai nạn giao thông trên cả 03 mặt (số vụ, số người chết và số người bị thương). Nâng cao ý thức, tinh thần chấp hành pháp luật, kỷ cương trong công tác quản lý, điều hành.

8. Phát động mạnh mẽ phong trào thi đua yêu nước, gắn với cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”; thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, các biện pháp nhằm chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, trước hết là diện chính sách, đồng bào nghèo. Quan tâm giải quyết việc làm, hạn chế tối đa người mất việc và tập trung đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Thực hiện tốt chính sách khám chữa bệnh và bảo hiểm y tế cho người nghèo, củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở. Đẩy mạnh các chương trình nhà ở xã hội, nhà tái định cư, nhà ở cho công nhân, ký túc xá cho sinh viên; tăng cường các biện pháp phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm, dược phẩm, phấn đấu không để xảy ra dịch bệnh trên địa bàn thành phố.

9. Năm 2010 là năm có nhiều ngày lễ lớn và sự kiện trọng đại của đất nước, đồng thời cũng là năm tiến hành Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI và cũng là năm cuối của Kế hoạch 5 năm 2006 - 2010, để tạo tiền đề bước vào Kế hoạch 5 năm 2011 - 2015. Do vậy, yêu cầu các ngành, các cấp, các quận, huyện, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp phải tập trung nỗ lực phấn đấu cao, phân chia thời gian hợp lý, phân công phân nhiệm rõ ràng, khoa học để vừa thực hiện hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, vừa tổ chức thành công Đại hội Đảng bộ các cấp và tham gia đầy đủ các ngày lễ lớn, các sự kiện trọng đại của đất nước và thành phố với tinh thần trách nhiệm cao nhất, đảm bảo an toàn, tiết kiệm.

10. Về tổ chức thực hiện:

10.1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố cụ thể hóa Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách thành phố năm 2010 thành

Chương trình công tác hàng tháng, quý của Ủy ban nhân dân thành phố; thường xuyên theo dõi, đôn đốc quá trình chuẩn bị nội dung; sắp xếp, bố trí để Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố và Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, thông qua các đề án và ban hành các cơ chế, chính sách, kế hoạch thực hiện thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố. Phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Thành ủy, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố, Văn phòng Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố xây dựng các chương trình công tác, các đề án hoạt động của thành phố một cách đồng bộ, hiệu quả.

10.2. Lãnh đạo các sở - ban - ngành thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các Tổng Công ty, Công ty trực thuộc thành phố chấp hành nghiêm chế độ thông tin, báo cáo theo quy định; định kỳ hàng tháng, hàng quý, Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức làm việc với các đơn vị để nghe báo cáo tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch chỉ đạo, điều hành kinh tế - xã hội và ngân sách thành phố năm 2010, kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc để thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội thành phố bền vững.

10.3. Thủ trưởng các sở - ban - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc các Tổng Công ty, Công ty trực thuộc thành phố quản lý xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, giải quyết trực tiếp và kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội tại cơ sở.

Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu Thủ trưởng các sở - ban - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc các Tổng Công ty, Công ty trực thuộc thành phố quản lý thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này để góp phần hoàn thành thắng lợi các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách thành phố năm 2010./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 222/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**Về điều chỉnh Quyết định số 4833/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2008
của Ủy ban nhân dân thành phố về duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch
chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) Khu tái định cư (30,224ha)
phường Bình Khánh, quận 2**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 4833/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (tỷ lệ 1/500) Khu tái định cư (30,224ha) phường Bình Khánh, quận 2;

Căn cứ ý kiến góp ý hồ sơ thiết kế cơ sở dự án Khu tái định cư (30,224ha) phường Bình Khánh, quận 2 của Bộ Xây dựng tại văn bản số 1814/BXD-HĐXD ngày 28 tháng 8 năm 2009;

Xét đề nghị của Tổ Công tác tái định cư 12.500 căn tại Tờ trình số 10683/TCT 12.500-TĐDA ngày 20 tháng 11 năm 2009 và của Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 3811/TTr-SQHKT ngày 31 tháng 12 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (tỷ lệ 1/500) Khu tái định cư (30,224ha) phường Bình Khánh, quận 2 với nội dung cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh một số nội dung tại Điều 1 Quyết định số 4833/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố như sau:

1.1. Khoản 4 - Cơ cấu sử dụng đất:

- Dân số dự kiến: khoảng 16.864 người (trung bình 4 người/1 căn hộ).
- Tổng diện tích dự án: 302.240m², phân bổ theo bảng cơ cấu sử dụng đất sau:

Số TT	Loại đất	Cơ cấu sử dụng đất		
		Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu sử dụng đất (m ² /ng)
1	Đất nhóm ở (chung cư)	85.100	28,2	5,05
2	Đất công trình công cộng, gồm: + Nhà văn hóa, y tế + Thương mại - dịch vụ + Trường học cấp I ÷ III + Trường mầm non	60.678 8.453 21.086 23.032 8.107	20,1	3,6
3	Đất công viên cây xanh, thể dục thể thao, rạch	48.356	16	2,9
4	Đất giao thông, sân bãi (có dự kiến dành đất để xây dựng nhà đậu xe tại công viên P1, P2, P3)	103.106	34,1	6,1
5	Đất hạ tầng kỹ thuật (trạm xử lý nước thải)	5.000	1,7	0,3
	Tổng cộng	302.240	100	17,9

1.2. Khoản 5, điểm 5.1 - Chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc toàn dự án:

TT	Loại chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu
1	Tổng số căn hộ	căn	4.216 căn hộ với cơ cấu như sau: - Loại 60,2 m ² khoảng 51% - Loại 77,7 m ² khoảng 36% - Loại 102 m ² khoảng 13%
2	Mật độ xây dựng công trình (trên lô đất)	%	Khối đế 30 ÷ 50%, khối tháp khoảng 30% Đối với lô đất nhóm ở: khối đế < 45%, khối tháp < 30%

4	Tầng cao xây dựng tối đa (không kể tầng lửng, sân thượng)	tầng	21÷24 tầng, gồm: - 21 tầng: DO1, DO2, DO4, DO8, DO9, DO10 - 23 tầng: DO3, DO6 - 24 tầng: DO5, DO7
5	Số tầng dành cho thương mại - dịch vụ (kết hợp chức năng tiện ích công cộng, đậu xe...)	tầng	2,5 tầng (bố trí tại tầng 1, lửng và tầng 2)
6	Số tầng dành cho căn hộ	tầng	19÷22 tầng
7	Hệ số sử dụng đất (trên đất nhóm ở)	lần	FAR = 5,96 (trên 8,51ha) (nhà ở: 4,99; thương mại - dịch vụ: 0,97)
8	Tổng diện tích sàn xây dựng trên đất nhóm ở (không kể hầm và mái)	m ²	khoảng 424.700m ² sàn nhà ở + khoảng 82.270m ² sàn thương mại - dịch vụ, tiện ích công cộng, đậu xe
9	Chỗ đậu ô tô (phục vụ khu ở, thương mại - dịch vụ và công trình công cộng)	chỗ	- Hiện tại bố trí 1.390 chỗ ô tô khu chung cư + 70 chỗ ô tô khu thương mại - dịch vụ chung cư + 8.432 xe gắn máy + 4.216 xe đạp (diện tích 61.379,5m ² , quy đổi ≈ 2.455 chỗ ô tô). - Tương lai 1 hộ / 1 ô tô, cần tổng cộng 4.286 chỗ đậu ô tô khu ở. Dự kiến bố trí thêm 1.831 chỗ đậu ô tô tại sân các lô chung cư (khoảng 8.400m ²) và tại các nhà đậu xe 3 - 4 tầng sẽ xây dựng khi có nhu cầu tại các công viên (P1, P2, P3) với diện tích đất khoảng 15.806m ² . - Chỗ đậu xe khu thương mại - dịch vụ và công trình công cộng ngoài khu ở bố trí theo từng dự án cụ thể trên từng lô đất.

1.3. Khoản 5, điểm 5.2, tiết 5.2.2.2 - Chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc khu chung cư (10 lô):

Tổng số căn hộ chung cư: 4.216 căn, được phân bổ như sau:

1.3.1. Lô DO1:

TT	Nội dung chỉ tiêu	Chỉ tiêu
1	Số căn hộ	304 căn
2	Diện tích lô đất	5.589m ²
3	Diện tích xây dựng (gồm cả công trình kỹ thuật)	Khoảng 2.504m ²
4	Diện tích xây dựng chung cư	Khoảng 2.335,6m ²
5	Tổng diện tích sàn thương mại - dịch vụ (gồm cả tiện ích công cộng, đậu xe)	Khoảng 6.178,2m ²
6	Tổng diện tích sàn nhà ở	Khoảng 30.386,7m ²
7	Tổng diện tích sàn xây dựng	Khoảng 36.564,9m ²
8	Tầng cao công trình (không kể tầng lửng, sân thượng)	21 tầng
9	Chiều cao công trình	Khoảng 76,6m
10	Mật độ xây dựng chung cư (gồm cả công trình kỹ thuật)	đế < 45%, tháp < 30%
11	Hệ số sử dụng đất	6,54 (nhà ở: 5,44; thương mại - dịch vụ: 1,11)
12	Khoảng lùi xây dựng công trình	
	- Cách mép bờ cao sông Sài Gòn	Tối thiểu 50m
	- Cách ranh lộ giới đường N1	Khoảng 8m
	- Cách công trình lô DV1 phía Bắc	Khoảng 40m
	- Cách chung cư DO2 phía Đông	Khoảng 35m

1.3.2. Lô DO2:

TT	Nội dung chỉ tiêu	Chỉ tiêu
1	Số căn hộ	304 căn
2	Diện tích lô đất	5.666m ²
3	Diện tích xây dựng (gồm cả công trình kỹ thuật)	Khoảng 2.504m ²
4	Diện tích xây dựng chung cư	Khoảng 2.335m ²
5	Tổng diện tích sàn thương mại - dịch vụ (gồm cả tiện ích công cộng, đậu xe)	Khoảng 6.178,2m ²
6	Tổng diện tích sàn nhà ở	Khoảng 30.386,7m ²

7	Tổng diện tích sàn xây dựng	Khoảng 36.564,9m ²
8	Tầng cao công trình (không kể tầng lửng, sân thượng)	21 tầng
9	Chiều cao công trình	Khoảng 76,6m
10	Mật độ xây dựng chung cư (gồm cả công trình kỹ thuật)	đế < 45%, tháp < 30%
11	Hệ số sử dụng đất	6,45 (nhà ở: 5,36; thương mại - dịch vụ: 1,09)
12	Khoảng lùi xây dựng công trình	
	- Cách mép bờ cao sông Sài Gòn	Tối thiểu 50m
	- Cách ranh lộ giới đường D1	Khoảng 8m
	- Cách chung cư DO1 phía Tây	Khoảng 35m

1.3.3. Lô DO3:

TT	Nội dung chỉ tiêu	Chỉ tiêu
1	Số căn hộ	483 căn
2	Diện tích lô đất	9.222m ²
3	Diện tích xây dựng (gồm cả công trình kỹ thuật)	Khoảng 3.671m ²
4	Diện tích xây dựng chung cư	Khoảng 3.282m ²
5	Tổng diện tích sàn thương mại - dịch vụ (gồm cả tiện ích công cộng, đậu xe)	Khoảng 8.845m ²
6	Tổng diện tích sàn nhà ở	Khoảng 48.564,6m ²
7	Tổng diện tích sàn xây dựng	Khoảng 57.409,6m ²
8	Tầng cao công trình (không kể tầng lửng, sân thượng)	23 tầng
9	Chiều cao công trình	Khoảng 83,2m
10	Mật độ xây dựng chung cư (gồm cả công trình kỹ thuật)	đế < 40%, tháp < 30%
11	Hệ số sử dụng đất	6,23 (nhà ở: 5,27; thương mại - dịch vụ: 0,96)
12	Khoảng lùi xây dựng công trình	
	- Cách mép bờ cao rạch phía Đông	Khoảng 35m
	- Cách ranh lộ giới đường N2	Khoảng 17m

	- Cách ranh lộ giới đường D1	Khoảng 10m
	- Cách công trình tại lô DV2	Khoảng 80m

1.3.4. Lô DO4:

TT	Nội dung chỉ tiêu	Chỉ tiêu
1	Số căn hộ	399 căn
2	Diện tích lô đất	9.445m ²
3	Diện tích xây dựng (gồm cả công trình kỹ thuật)	Khoảng 3.637m ²
4	Diện tích xây dựng chung cư	Khoảng 3.220m ²
5	Tổng diện tích sàn thương mại-dịch vụ (gồm cả tiện ích công cộng, đậu xe)	Khoảng 8.561,5m ²
6	Tổng diện tích sàn nhà ở	Khoảng 40.487,1m ²
7	Tổng diện tích sàn xây dựng	Khoảng 49.048,6m ²
8	Tầng cao công trình (không kể tầng lửng, sân thượng)	21 tầng
9	Chiều cao công trình	Khoảng 76,6m
10	Mật độ xây dựng chung cư (gồm cả công trình kỹ thuật)	đế < 40%, tháp < 30%
11	Hệ số sử dụng đất	5,19 (nhà ở: 4,29; thương mại - dịch vụ: 0,91)
12	Khoảng lùi xây dựng công trình	
	- Cách ranh lộ giới đường D4	Khoảng 7m
	- Cách ranh lộ giới đường D1	Khoảng 18m
	- Cách ranh lộ giới đường N2	Khoảng 9m

1.3.5. Lô DO5:

TT	Nội dung chỉ tiêu	Chỉ tiêu
1	Số căn hộ	506 căn
2	Diện tích lô đất	9.357m ²
3	Diện tích xây dựng (gồm cả công trình kỹ thuật)	Khoảng 3.704m ²
4	Diện tích xây dựng chung cư	Khoảng 3.282m ²

5	Tổng diện tích sàn thương mại - dịch vụ (gồm cả tiện ích công cộng, đậu xe)	Khoảng 8.845m ²
6	Tổng diện tích sàn nhà ở	Khoảng 50.887,2m ²
7	Tổng diện tích sàn xây dựng	Khoảng 59.722,2m ²
8	Tầng cao công trình (không kể tầng lửng, sân thượng)	24 tầng
9	Chiều cao công trình	Khoảng 86,5m
10	Mật độ xây dựng chung cư (gồm cả công trình kỹ thuật)	đế < 40%, tháp < 30%
11	Hệ số sử dụng đất	6,38 (nhà ở: 5,44; thương mại - dịch vụ: 0,95)
12	Khoảng lùi xây dựng công trình	
	- Cách ranh lộ giới Đại lộ Đông Tây	Khoảng 8m
	- Cách công trình tại lô CC1	Khoảng 60m
	- Cách chung cư DO6	Khoảng 24,5m
	- Cách chung cư DO7	Khoảng 43m

1.3.6. Lô DO6:

TT	Nội dung chỉ tiêu	Chỉ tiêu
1	Số căn hộ	441 căn
2	Diện tích lô đất	8.989m ²
3	Diện tích xây dựng (gồm cả công trình kỹ thuật)	khoảng 3.637,7m ²
4	Diện tích xây dựng chung cư	khoảng 3.220m ²
5	Tổng diện tích sàn thương mại - dịch vụ (gồm cả tiện ích công cộng, đậu xe)	khoảng 8.561,5m ²
6	Tổng diện tích sàn nhà ở	khoảng 44.748,9m ²
7	Tổng diện tích sàn xây dựng	khoảng 53.310,4m ²
8	Tầng cao công trình (không kể tầng lửng, sân thượng)	23 tầng
9	Chiều cao công trình	khoảng 83,2m

10	Mật độ xây dựng chung cư (gồm cả công trình kỹ thuật)	đế < 45%, tháp < 30%
11	Hệ số sử dụng đất	5,93 (nhà ở: 4,98; thương mại - dịch vụ: 0,95)
12	Khoảng lùi xây dựng công trình	
	- Cách mép bờ cao rạch phía Tây	Tối thiểu 10m
	- Cách ranh lộ giới đường N2	Tối thiểu 6m
	- Cách chung cư DO5	khoảng 24,5m
	- Cách công trình tại lô CC2	khoảng 29m

1.3.7. Lô DO7:

TT	Nội dung chỉ tiêu	Chỉ tiêu
1	Số căn hộ	506 căn
2	Diện tích lô đất	9.341m ²
3	Diện tích xây dựng (gồm cả công trình kỹ thuật)	Khoảng 3.704m ²
4	Diện tích xây dựng chung cư	Khoảng 3.282m ²
5	Tổng diện tích sàn thương mại - dịch vụ (gồm cả tiện ích công cộng, đậu xe)	Khoảng 8.845m ²
6	Tổng diện tích sàn nhà ở	Khoảng 50.887,2m ²
7	Tổng diện tích sàn xây dựng	Khoảng 59.722,2m ²
8	Tầng cao công trình (không kể tầng lửng, sân thượng)	24 tầng
9	Chiều cao công trình	Khoảng 86,5m
10	Mật độ xây dựng chung cư (gồm cả công trình kỹ thuật)	đế < 40%, tháp < 30%
11	Hệ số sử dụng đất	6,4 (nhà ở: 5,45; thương mại - dịch vụ: 0,95)
12	Khoảng lùi xây dựng công trình	
	- Cách ranh lộ giới Đại lộ Đông Tây	Khoảng 17m
	- Cách ranh lộ giới đường D2	Khoảng 7m
	- Cách chung cư DO5 phía Tây	Khoảng 43m
	- Cách công trình tại lô CC2	Khoảng 16,8m

1.3.8. Lô DO8:

TT	Nội dung chỉ tiêu	Chỉ tiêu
1	Số căn hộ	437 căn
2	Diện tích lô đất	9.381m ²
3	Diện tích xây dựng (gồm cả công trình kỹ thuật)	Khoảng 3.671m ²
4	Diện tích xây dựng chung cư	Khoảng 3.282m ²
5	Tổng diện tích sàn thương mại - dịch vụ (gồm cả tiện ích công cộng, đậu xe)	Khoảng 8.845m ²
6	Tổng diện tích sàn nhà ở	Khoảng 43.939,4m ²
7	Tổng diện tích sàn xây dựng	Khoảng 52.784,4m ²
8	Tầng cao công trình (không kể tầng lửng, sân thượng)	21 tầng
9	Chiều cao công trình	Khoảng 76,6m
10	Mật độ xây dựng chung cư (gồm cả công trình kỹ thuật)	đế < 40%, tháp < 30%
11	Hệ số sử dụng đất	5,62 (nhà ở: 4,68; thương mại - dịch vụ: 0,94)
12	Khoảng lùi xây dựng công trình	
	- Cách mép bờ cao sông Giồng Ông Tố	Tối thiểu 30m
	- Cách mép bờ cao rạch phía Tây	Khoảng 20m
	- Cách ranh lộ giới đường N2	Khoảng 20m
	- Cách chung cư DO9	Khoảng 48m

1.3.9. Lô DO9:

TT	Nội dung chỉ tiêu	Chỉ tiêu
1	Số căn hộ	399 căn
2	Diện tích lô đất	8.846m ²
3	Diện tích xây dựng (gồm cả công trình kỹ thuật)	Khoảng 3.637,7m ²
4	Diện tích xây dựng chung cư	Khoảng 3.282m ²
5	Tổng diện tích sàn thương mại - dịch vụ (gồm cả tiện ích công cộng, đậu xe)	Khoảng 8.561,5m ²

6	Tổng diện tích sàn nhà ở	40.487,1m ²
7	Tổng diện tích sàn xây dựng	49.048,6m ²
8	Tầng cao công trình (không kể tầng lửng, sân thượng)	21 tầng
9	Chiều cao công trình	Khoảng 76,6m
10	Mật độ xây dựng chung cư (gồm cả công trình kỹ thuật)	đế < 45%, tháp < 30%
11	Hệ số sử dụng đất	5,54 (nhà ở: 4,58; thương mại - dịch vụ: 0,96)
12	Khoảng lùi xây dựng công trình	
	- Cách ranh lộ giới đường N2	Khoảng 8m
	- Cách chung cư DO8	Khoảng 48m
	- Cách mép bờ cao rạch phía Nam	Tối thiểu 10m
	- Cách công trình tại lô CC4	Khoảng 51m

1.3.10. Lô DO10:

TT	Nội dung chỉ tiêu	Chỉ tiêu
1	Số căn hộ	437 căn
2	Diện tích lô đất	9.264m ²
3	Diện tích xây dựng (gồm cả công trình kỹ thuật)	Khoảng 3.671m ²
4	Diện tích xây dựng chung cư	Khoảng 3.282m ²
5	Tổng diện tích sàn thương mại - dịch vụ (gồm cả tiện ích công cộng, đậu xe)	Khoảng 8.845m ²
6	Tổng diện tích sàn nhà ở	Khoảng 43.939,4m ²
7	Tổng diện tích sàn xây dựng	Khoảng 52.784,4m ²
8	Tầng cao công trình (không kể tầng lửng, sân thượng)	21 tầng
9	Chiều cao công trình	Khoảng 76,6m
10	Mật độ xây dựng chung cư (gồm cả công trình kỹ thuật)	đế < 40%, tháp < 30%
11	Hệ số sử dụng đất	5,7 (nhà ở: 4,75; thương mại - dịch vụ: 0,95)
12	Khoảng lùi xây dựng công trình	

- Cách mép bờ cao sông Giồng Ông Tố	Tối thiểu 30m
- Cách mép bờ cao rạch phía Đông	Tối thiểu 20m
- Cách ranh lộ giới đường D3	Tối thiểu 6m
- Cách công trình tại lô CC4	Khoảng 28m

1.4. Bổ sung khoản 7 về diện tích đậu xe phục vụ khu chung cư của dự án:

- Tổng diện tích chỗ đậu xe hiện tại theo thiết kế cơ sở là 61.379,5m², bao gồm 1.390 xe ô tô khu chung cư, 70 xe ô tô khu thương mại - dịch vụ chung cư, 8.432 xe gắn máy, 4.216 xe đạp. Quy đổi tương đương 2.455 chỗ đậu xe ô tô, đảm bảo tiêu chuẩn 01 chỗ đậu ô tô quy đổi (tương đương 25m² gồm chỗ đậu và đường lưu thông) cho 02 căn hộ hoặc cho 100m² sàn sử dụng thương mại, văn phòng.

- Dự tính tương lai tiêu chuẩn 01 chỗ đậu ô tô cho 01 căn hộ thì tổng số chỗ đậu ô tô quy đổi là 4.286 chỗ phục vụ khu chung cư (gồm cả khu thương mại - dịch vụ chung cư). Số chỗ đậu ô tô dự kiến bố trí thêm tương lai là 1.831 chỗ tại vị trí sân các chung cư (khoảng 8.400m²) và tại các nhà đậu xe 3 - 4 tầng sẽ xây dựng khi có nhu cầu tại các công viên P1, P2, P3 với diện tích đất được dành khoảng 15.806m².

- Về diện tích chỗ đậu xe đối với các công trình thương mại - dịch vụ và công trình công cộng ngoài khu chung cư (như tại các lô DV1÷DV3, CC1÷CC4) sẽ được tính toán theo tiêu chuẩn quy phạm và sẽ được xem xét ở bước thẩm định thiết kế cơ sở từng công trình cụ thể.

2. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp lý của các chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc của dự án theo phương án thiết kế cơ sở đề xuất.

- Chịu trách nhiệm thực hiện hoàn tất các thủ tục tiếp theo về đầu tư xây dựng theo quy định hiện hành.

Điều 2. Các nội dung khác không được đề cập tại Điều 1 của Quyết định này vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 4833/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố. Giao Sở Xây dựng xem xét thẩm định sự phù hợp của các bản vẽ quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) (nếu có điều chỉnh) của dự án theo các chỉ tiêu được điều chỉnh ở Điều 1 (kết hợp khi xem xét thẩm định hồ sơ thiết kế cơ sở của dự án).

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Giao thông vận tải, Sở Quy hoạch - Kiến

trúc, Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 2, Trưởng Ban quản lý đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm, Công ty Phát triển Quốc tế Thế kỷ 21 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2010/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 13/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2008/TTLT-BXD-BNV ngày 16 tháng 12 năm 2008 của Bộ Xây dựng - Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và nhiệm vụ quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã về các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc ngành xây dựng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 10062/TTr- SXD-TCCB ngày 06 tháng 11 năm 2009 và Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 15/TTr-SNV ngày 06 tháng 01 năm 2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký; thay thế Quyết định số 96/2004/QĐ-UB ngày 12 tháng 4 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Xây dựng và các quy định trước đây trái với Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Xây dựng, Thủ trưởng các Sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Sở Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 05/2010/QĐ-UBND
ngày 20 tháng 01 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Sở Xây dựng là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực: xây dựng (dân dụng và công nghiệp), vật liệu xây dựng, nhà ở và công sở; phát triển đô thị; kinh doanh bất động sản; về các dịch vụ công trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở.

Điều 2. Sở Xây dựng chịu sự chỉ đạo và quản lý trực tiếp của Ủy ban nhân dân thành phố, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Xây dựng.

Sở Xây dựng có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được cấp kinh phí hoạt động từ ngân sách, được mở tài khoản tại Ngân hàng và Kho bạc Nhà nước theo quy định hiện hành.

Sở Xây dựng có tên giao dịch tiếng Anh là Ho Chi Minh City Department of Construction, viết tắt là DOC.

Điều 3. Giám đốc Sở Xây dựng chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố, Bộ trưởng Bộ Xây dựng về toàn bộ hoạt động của Sở theo đúng chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định trong Quy chế này.

Chương II NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN

Điều 4. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Trình Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Dự thảo các quyết định, chỉ thị, các văn bản quy định việc phân công, phân cấp và ủy quyền trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở thuộc phạm vi trách nhiệm, thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố.

b) Dự thảo quy hoạch phát triển, kế hoạch dài hạn, 5 năm và hàng năm, các chương trình, dự án, công trình quan trọng trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, quy hoạch vùng, các quy hoạch phát triển ngành, chuyên ngành của cả nước.

c) Dự thảo chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở trên địa bàn thành phố, đảm bảo phù hợp với mục tiêu và nội dung chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước của Ủy ban nhân dân thành phố.

d) Dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật quy định cụ thể về tiêu chuẩn chức danh đối với cấp trưởng, cấp phó của các đơn vị trực thuộc Sở; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng của Phòng Quản lý đô thị, Phòng Công Thương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện sau khi phối hợp, thống nhất với các Sở quản lý ngành, lĩnh vực liên quan.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Dự thảo các quyết định, chỉ thị và các văn bản khác thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về các lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở.

b) Dự thảo quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, tổ chức lại, giải thể các đơn vị trực thuộc Sở theo quy định của pháp luật.

3. Hướng dẫn, kiểm tra và chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn, các quy hoạch phát triển, kế hoạch, chương trình, dự án đã được phê duyệt thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và thông tin về các lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở.

4. Về quản lý xây dựng:

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật trong lĩnh vực xây dựng, gồm các khâu: lập và quản lý thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình, khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng, nghiệm thu (về khối lượng, chất lượng), bàn giao, bảo hành, bảo trì công trình xây dựng theo phân cấp và phân công của Ủy ban nhân dân thành phố.

b) Thực hiện việc cấp, gia hạn, điều chỉnh, thu hồi giấy phép xây dựng công trình và kiểm tra việc xây dựng công trình theo giấy phép được cấp trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật; hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân quận, huyện và Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn thực hiện việc cấp, gia hạn, điều chỉnh, thu hồi giấy phép xây dựng công trình theo phân cấp.

c) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về điều kiện năng lực hành nghề xây dựng của cá nhân và điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức (bao gồm cả các nhà thầu nước ngoài, tổ chức tư vấn nước ngoài, chuyên gia tư vấn nước ngoài) tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn thành phố; theo dõi, xác nhận, tổng hợp, thông tin về tình hình năng lực của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn thành phố.

d) Thực hiện việc cấp và quản lý các loại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng theo quy định của pháp luật.

đ) Tổ chức thẩm định phê duyệt hồ sơ đấu thầu các dự án nhóm B, C sử dụng vốn ngân sách thành phố do Ủy ban nhân dân thành phố phân công.

e) Đầu mối giúp Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn thành phố; trình Ủy ban nhân dân thành phố quy định việc phân công, phân cấp quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn thành phố; hướng dẫn, kiểm tra công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng đối với các Sở có quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn thành phố.

g) Kiểm tra, thanh tra hoạt động của các phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (LAS-XD) trên địa bàn thành phố, báo cáo kết quả kiểm tra, thanh tra và kiến nghị xử lý vi phạm (nếu có) với Bộ Xây dựng theo quy định của pháp luật.

h) Theo dõi, tổng hợp, báo cáo với Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Xây dựng về tình hình quản lý chất lượng công trình xây dựng và tình hình chất lượng công trình xây dựng của các Bộ, ngành, tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng trên địa bàn thành phố.

i) Tổ chức thực hiện việc giám định chất lượng công trình xây dựng, giám định sự cố công trình xây dựng theo phân cấp và phân công của Ủy ban nhân dân thành phố; theo dõi, tổng hợp và báo cáo tình hình sự cố công trình xây dựng trên địa bàn thành phố.

k) Hướng dẫn công tác lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn thành phố; tổ chức lập đề Ủy ban nhân dân thành phố công bố hoặc Sở công bố theo phân cấp: các tập đơn giá xây dựng, giá ca máy và thiết bị xây dựng, giá vật liệu xây dựng, giá khảo sát xây dựng, giá thí nghiệm vật liệu và cấu kiện xây dựng, định mức dự toán các công việc đặc thù thuộc các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn thành phố chưa có trong các định mức xây dựng do Bộ Xây dựng công bố; tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân thành phố hướng dẫn việc áp dụng hoặc vận dụng các định mức, đơn giá xây dựng, chỉ số giá xây dựng, suất vốn đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng sử dụng nguồn vốn ngân sách của thành phố.

l) Hướng dẫn các chủ thể tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn thành phố thực hiện các quy định của pháp luật về hợp đồng trong hoạt động xây dựng.

m) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện việc giao nộp và lưu trữ hồ sơ, tài liệu khảo sát, thiết kế xây dựng, hồ sơ, tài liệu hoàn công công trình xây dựng thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định của pháp luật.

n) Có ý kiến về thiết kế cơ sở các dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng, hạ tầng kỹ thuật, công nghiệp vật liệu xây dựng theo phân cấp; hướng dẫn, kiểm tra công tác thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình xây dựng theo quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

o) Tổ chức thẩm định các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới trên địa bàn thành phố để Ủy ban nhân dân thành phố trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho phép đầu tư hoặc Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, cho phép đầu tư theo thẩm quyền; tổ chức thẩm định các dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở để Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, chấp thuận đầu tư.

5. Về quản lý nhà và công sở:

a) Giúp Ủy ban nhân dân thành phố thống nhất quản lý nhà nước về nhà, chủ trì và phối hợp với cơ quan có chức năng liên quan để nắm số lượng nhà, các thành phần cư dân để xây dựng và trình Ủy ban nhân dân thành phố các giải pháp, chính sách tác động phát triển nhà ở, điều chỉnh thị trường nhà ở của thành phố.

b) Phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan tổ chức lập, thẩm định quy hoạch xây dựng hệ thống công sở các cơ quan hành chính nhà nước, trụ sở làm việc thuộc sở hữu nhà nước của các cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn thành phố; chỉ đạo việc thực hiện sau khi được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

c) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các tiêu chuẩn xây dựng nhà ở, công sở, trụ sở làm việc; hướng dẫn thực hiện việc phân loại, thiết kế mẫu, thiết kế điển hình, quy chế quản lý, sử dụng, chế độ bảo hành, bảo trì nhà ở, công sở, trụ sở làm việc trên địa bàn thành phố.

d) Phối hợp với Sở Tài chính xây dựng, trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành bảng giá cho thuê nhà ở công vụ, bảng giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, bảng giá cho thuê, giá bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước áp dụng trên địa bàn thành phố; thực hiện công tác quản lý công sở theo quy định của pháp luật, tổ chức thu thập thông tin để thiết lập cơ sở dữ liệu về lý lịch công trình công sở phục vụ công tác quản lý theo phân công của Ủy ban nhân dân thành phố.

đ) Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước.

e) Giúp Ủy ban nhân dân thành phố phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức điều tra, thống kê, đánh giá định kỳ về nhà ở và công sở; tổ chức xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu và cung cấp thông tin về nhà ở, công sở, trụ sở làm việc thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn thành phố.

g) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố theo dõi, hướng dẫn và kiểm tra thực hiện quy chế cấp số nhà và chỉnh sửa số nhà trên địa bàn thành phố.

h) Xây dựng và trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy chế quản lý nhà chung cư theo quy định của Bộ Xây dựng phù hợp với điều kiện của thành phố; tổ chức triển khai hướng dẫn và kiểm tra việc tổ chức thực hiện Quy chế này.

6. Về chương trình phát triển nhà ở và dự án nâng cấp đô thị:

a) Nghiên cứu, xây dựng và trình Ủy ban nhân dân thành phố chiến lược và chính sách phát triển nhà ở trên địa bàn thành phố; đặc biệt là nghiên cứu và đề xuất những cơ chế, chính sách huy động vốn đầu tư xây dựng nhà ở trong xã hội nhằm tạo nguồn nhà ở cho công nhân, nhà cho các đối tượng có thu nhập thấp, nhà phục vụ tái định cư, ký túc xá sinh viên và phát triển quỹ nhà ở trên địa bàn thành phố.

b) Lập kế hoạch dài hạn và hàng năm về đầu tư xây dựng nhà ở trên cơ sở khảo sát nhu cầu về nhà ở; theo dõi, tổng hợp và kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố về phân bổ nguồn nhà cho các dự án trọng điểm của thành phố, cho các đối tượng thu nhập thấp theo quy định.

c) Thực hiện nhiệm vụ Thường trực Ban Chỉ đạo nâng cấp đô thị do Ủy ban nhân dân thành phố phân công và hoạt động theo quy chế của Ban Chỉ đạo do Ủy ban nhân dân thành phố quy định.

7. Quản lý về vật liệu xây dựng:

a) Tổ chức lập, thẩm định các quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng của thành phố đảm bảo phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng quốc gia, quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng vùng, quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng chủ yếu; quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch sau khi được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

b) Quản lý và tổ chức thực hiện các quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng, nguyên liệu sản xuất xi măng đã được phê duyệt trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật.

c) Hướng dẫn các hoạt động thăm định, đánh giá về: công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng, nguyên liệu sản xuất xi măng; công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng; chất lượng sản phẩm vật liệu xây dựng.

d) Tổ chức thẩm định các dự án đầu tư khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng, nguyên liệu sản xuất xi măng theo phân cấp của Chính phủ và phân công của Ủy ban nhân dân thành phố.

đ) Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy chuẩn kỹ thuật, các quy định về an toàn, vệ sinh lao động trong các hoạt động: khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng, nguyên liệu sản xuất xi măng; sản xuất vật liệu xây dựng.

e) Hướng dẫn các quy định của pháp luật về kinh doanh vật liệu xây dựng đối với các tổ chức, cá nhân kinh doanh vật liệu xây dựng theo sự phân công của Ủy ban nhân dân thành phố.

g) Kiểm tra chất lượng các sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng được sản xuất, lưu thông và đưa vào sử dụng trong các công trình xây dựng trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật.

h) Theo dõi, tổng hợp tình hình đầu tư khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng, nguyên liệu sản xuất xi măng, tình hình sản xuất vật liệu xây dựng của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn thành phố.

8. Về phát triển đô thị:

a) Xây dựng quy hoạch phát triển hệ thống các đô thị, các điểm dân cư tập trung (bao gồm cả điểm dân cư công nghiệp, điểm dân cư nông thôn) trên địa bàn thành phố, đảm bảo phù hợp với chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị quốc gia, quy hoạch xây dựng vùng liên tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; tổ chức thực hiện sau khi được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng các cơ chế, chính sách, giải pháp nhằm thu hút, huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng và phát triển các đô thị đồng bộ, các khu đô thị mới kiểu mẫu, các chính sách, giải pháp quản lý quá trình đô thị hóa, các mô hình quản lý đô thị; tổ chức thực hiện sau khi được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt, ban hành.

c) Tổ chức thực hiện các chương trình, dự án đầu tư phát triển đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo sự phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố (như: các chương trình nâng cấp đô thị, bảo tồn và chỉnh trang đô thị cổ; các dự án cải thiện môi trường đô thị, nâng cao năng lực quản lý đô thị; các dự án đầu tư phát triển khu đô thị mới...).

d) Tham gia thực hiện việc đánh giá, phân loại đô thị hàng năm theo các tiêu chí đã được Chính phủ quy định để trình các cấp có thẩm quyền quyết định công nhận loại đô thị trên địa bàn thành phố.

đ) Hướng dẫn, kiểm tra các hoạt động đầu tư xây dựng, phát triển đô thị, khai thác sử dụng đất xây dựng đô thị theo quy hoạch đã được phê duyệt, việc thực hiện quy chế khu đô thị mới; hướng dẫn quản lý trật tự xây dựng đô thị.

e) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư phát triển đô thị; tổ chức vận động, khai thác, điều phối các nguồn lực trong và ngoài nước cho việc đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống đô thị theo sự phân công của Ủy ban nhân dân thành phố.

g) Tổ chức xây dựng và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu, cung cấp thông tin về tình hình phát triển đô thị trên địa bàn thành phố.

9. Về kinh doanh bất động sản:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng các cơ chế, chính sách phát triển và quản lý thị trường bất động sản, các biện pháp nhằm minh bạch hóa hoạt động giao dịch, kinh doanh bất động sản trên địa bàn thành phố; tổ chức thực hiện sau khi được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt, ban hành.

b) Hướng dẫn các quy định về: bất động sản được đưa vào kinh doanh; điều kiện năng lực của chủ đầu tư dự án khu đô thị mới, dự án khu nhà ở, dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp; hoạt động mua bán nhà, công trình xây dựng; hoạt động chuyển nhượng dự án khu đô thị mới, dự án khu nhà ở, dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp; hoạt động kinh doanh dịch vụ bất động sản.

c) Tổ chức thẩm định hồ sơ xin chuyển nhượng toàn bộ dự án khu đô thị mới, dự

án khu nhà ở, dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp để Ủy ban nhân dân thành phố trình Thủ tướng Chính phủ quyết định hoặc Ủy ban nhân dân thành phố quyết định cho phép chuyển nhượng dự án theo thẩm quyền.

d) Kiểm tra hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về môi giới bất động sản, định giá bất động sản, quản lý điều hành sàn giao dịch bất động sản; thực hiện việc cấp và quản lý chứng chỉ môi giới bất động sản, chứng chỉ định giá bất động sản.

đ) Theo dõi, tổng hợp tình hình, tổ chức xây dựng hệ thống thông tin về thị trường bất động sản, hoạt động kinh doanh bất động sản, kinh doanh dịch vụ bất động sản trên địa bàn thành phố.

10. Về thanh tra và kiểm tra:

a) Hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ xử lý hành vi vi phạm quản lý xây dựng của các chủ thể cho lực lượng quản lý trật tự xây dựng đô thị theo phân công của Ủy ban nhân dân thành phố.

b) Phối hợp với Thanh tra Bộ Xây dựng, Thanh tra thành phố trong việc thực hiện các chương trình, kế hoạch thanh tra các dự án, công trình xây dựng trên địa bàn, theo phân công của Ủy ban nhân dân thành phố.

c) Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thi hành pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo, chống tham nhũng, tiêu cực và xử lý hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý các vi phạm đối với các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý chuyên ngành hoặc theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố.

d) Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong hoạt động kinh doanh bất động sản, kinh doanh dịch vụ bất động sản theo quy định của pháp luật.

đ) Hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm và thanh tra trong lĩnh vực quản lý chuyên ngành xây dựng cho quận - huyện và các đơn vị trực thuộc Sở.

11. Quản lý, khai thác thông tin, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật:

a) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện việc quản lý, sử dụng, lưu trữ hồ sơ tài liệu khảo sát, thiết kế xây dựng, hồ sơ hoàn công công trình xây dựng và thông tin chuyên ngành xây dựng trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật.

b) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các Sở - ngành liên quan thực hiện nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ mới trong ngành xây

dựng, vật liệu xây dựng; thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học có liên quan nhằm từng bước nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của ngành xây dựng, vật liệu xây dựng thành phố.

c) Xây dựng, chỉ đạo và tổ chức thực hiện kế hoạch nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ, bảo vệ môi trường; xây dựng hệ thống thông tin, tư liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước và hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của Sở được giao theo quy định của pháp luật.

d) Phối hợp với cơ quan, đơn vị chức năng để thực hiện và quản lý hoạt động mạng thông tin và trang web của Sở.

12. Công tác đào tạo chuyên ngành:

a) Tổ chức đào tạo công nhân lành nghề thuộc lĩnh vực xây dựng, đạt trình độ công nhân kỹ thuật bậc 3/7; cán bộ kỹ thuật có trình độ trung cấp xây dựng. Nâng cao chất lượng đào tạo và chỉ tiêu đào tạo được Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Xây dựng giao kế hoạch hàng năm.

b) Phối hợp với Trường Cán bộ thành phố tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ về quản lý xây dựng và nhà theo kế hoạch của Sở Xây dựng và theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Xây dựng. Tổ chức đào tạo phục vụ cho hoạt động giao dịch địa ốc có đảm bảo, thị trường bất động sản.

c) Nghiên cứu và phối hợp với Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân thành phố tiêu chuẩn đối với một số loại chuyên viên kỹ thuật chuyên ngành thuộc chức năng quản lý nhà nước của Sở Xây dựng.

13. Về tài chính:

a) Phối hợp với Sở Tài chính và Sở Kế hoạch và Đầu tư trình kế hoạch tài chính toàn ngành, từng nội dung công tác phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, trong đó có kế hoạch tài chính cho các chương trình mục tiêu quy hoạch, kế hoạch xây dựng và phát triển ngành xây dựng trên địa bàn thành phố.

b) Phân bổ và kiểm tra việc thực hiện theo đúng nguyên tắc chế độ tài chính đối với phần kế hoạch tài chính do Sở Xây dựng trực tiếp quản lý và thực hiện (do Ủy ban nhân dân thành phố giao). Trong trường hợp cần thiết, trong phạm vi tổng mức thu chi tài chính được duyệt, Giám đốc Sở Xây dựng có quyền điều chỉnh chi tiết để thực hiện nhiệm vụ được giao, nhưng không được thay đổi mục tiêu kế hoạch và trên cơ sở có sự thống nhất với Sở Tài chính và Sở Kế hoạch và Đầu tư.

c) Phối hợp theo dõi, kiểm tra việc thực hiện theo đúng mục tiêu chương trình đã được duyệt đối với phần kế hoạch tài chính thuộc ngành xây dựng và lĩnh vực công tác do các sở - ngành, quận - huyện quản lý và thực hiện.

d) Cùng với ngành chức năng tổ chức hạch toán, kế toán, kiểm tra, đánh giá việc bảo toàn vốn, sử dụng vốn và tài sản được Nhà nước giao cho Sở Xây dựng và các đơn vị trực thuộc.

đ) Thu và sử dụng các loại phí và lệ phí thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở Xây dựng đúng quy định của pháp luật.

14. Công tác tổ chức bộ máy và cán bộ:

a) Nghiên cứu và phối hợp với Sở Nội vụ đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố phương án kiện toàn tổ chức bộ máy, sắp xếp bố trí, luân chuyển cán bộ, công chức theo hướng cải cách hành chính và hoạt động có hiệu quả.

b) Nghiên cứu và phối hợp với Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thành lập, chia tách, sáp nhập, giải thể đối với các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở; đặc biệt là thành lập các đơn vị sự nghiệp hoạt động dịch vụ công thuộc chức năng quản lý nhà nước của Sở Xây dựng; xây dựng cơ chế xã hội hóa và tổ chức quản lý nhà nước đối với các dịch vụ xã hội có liên quan.

c) Quy hoạch và tổ chức việc thực hiện kế hoạch đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng (kể cả trong và ngoài nước) đội ngũ cán bộ, công chức; xây dựng kế hoạch tuyển dụng cán bộ, công chức theo đúng quy định của Bộ Nội vụ, hướng dẫn của Bộ Xây dựng và Sở Nội vụ.

d) Thực hiện việc bổ nhiệm và bổ nhiệm lại đồng thời bố trí cán bộ theo các chức danh, tiêu chuẩn công chức trực thuộc Sở theo quy định.

đ) Phối hợp với Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân thành phố về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, kỷ luật và thực hiện chính sách đối với cán bộ, công chức thuộc diện Thành ủy và Ủy ban nhân dân thành phố quản lý theo quy định phân cấp quản lý cán bộ.

e) Đảm bảo thực hiện đúng quy chế dân chủ cơ sở, phát huy năng lực, trình độ và nâng cao hiệu quả hoạt động của đội ngũ cán bộ, công chức và hiệu quả quản lý nhà nước của ngành trên địa bàn thành phố.

g) Hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra đối với các đơn vị trực thuộc Sở trong việc thực hiện nhiệm vụ; sử dụng kinh phí, tài sản được cấp, biên chế được giao đúng mục đích và có hiệu quả.

h) Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng, Thanh tra, các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở; quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, thực hiện chế độ tiền lương, đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật và các chế độ, chính sách khác đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của Sở; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của Sở theo quy định của pháp luật.

15. Về quan hệ đối ngoại:

a) Tham mưu trình Ủy ban nhân dân thành phố kế hoạch hợp tác quốc tế, triển khai các dự án viện trợ, đầu tư phát triển ngành xây dựng của thành phố.

b) Tham gia đàm phán hoặc được Ủy ban nhân dân thành phố cho phép hoặc ủy quyền đàm phán trực tiếp và ký kết với các tổ chức, cá nhân nước ngoài theo đúng quy định của Luật Đầu tư, chính sách của Nhà nước về công tác xây dựng và phát triển nhà ở.

c) Tổ chức, tham gia các hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc ngành, lĩnh vực khi được Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Xây dựng cho phép hoặc ủy quyền.

d) Thực hiện các hoạt động đối ngoại theo đúng quy định của Ủy ban nhân dân thành phố và hướng dẫn của Sở Ngoại vụ đối với các cơ quan chuyên môn nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế thuộc lĩnh vực nghề nghiệp.

đ) Là đầu mối quan hệ với các tổ chức quốc tế về xây dựng, vật liệu xây dựng, phát triển nhà ở mà thành phố là thành viên theo sự phân công của Ủy ban nhân dân thành phố.

e) Hướng dẫn, cung cấp thông tin, theo dõi và hỗ trợ các tổ chức nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực liên quan đến ngành trên địa bàn thành phố theo đúng quy định của pháp luật.

g) Theo dõi và chỉ đạo thực hiện các chương trình, dự án quốc tế tài trợ, đầu tư nước ngoài cho thành phố, kể cả viện trợ của Chính phủ và các tổ chức phi Chính phủ có liên quan đến ngành theo quy định của Nhà nước; quản lý việc mời và nội dung hoạt động của các tổ chức, cá nhân nước ngoài vào thành phố theo sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố.

h) Đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố quyết định việc cử đoàn cán bộ hoặc cán bộ do Sở quản lý đi nước ngoài công tác, học tập, tu nghiệp theo quy định.

16. Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, Bộ Xây dựng định kỳ 06 tháng, cả năm về tình hình quản lý (hoặc báo cáo chuyên đề) các lĩnh vực thuộc phạm vi nhiệm vụ của Sở Xây dựng, quy định tại Điều 4 Chương II Quy chế này.

17. Hướng dẫn, kiểm tra hoạt động của các tổ chức dịch vụ công thuộc các lĩnh vực quản lý của Sở; quản lý và chỉ đạo hoạt động đối với các tổ chức sự nghiệp thuộc Sở.

18. Giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể và kinh tế tư nhân, các hội và tổ chức phi Chính phủ hoạt động trong các lĩnh vực thuộc chức năng quản lý của Sở theo quy định của pháp luật.

19. Hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở đối với các Phòng Quản lý đô thị, Phòng Công Thương thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện và các công chức chuyên môn, nghiệp vụ về Địa chính - Xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn; hướng dẫn nghiệp vụ công tác thanh tra chuyên ngành xây dựng đối với Thanh tra Xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện, phường, xã, thị trấn.

20. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố và theo quy định của pháp luật.

Chương III

TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Điều 5. Nguyên tắc chung

1. Sở Xây dựng do một Giám đốc phụ trách chung; có các Phó Giám đốc giúp việc cho Giám đốc, phụ trách các lĩnh vực công tác do Giám đốc phân công, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và liên đới chịu trách nhiệm với cấp trên về nhiệm vụ được phân công phụ trách.

2. Giám đốc Sở Xây dựng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm; Giám đốc Sở chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của Sở trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định pháp luật trước Ủy ban nhân dân thành phố, Bộ Xây dựng và trước pháp luật; báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân thành phố khi được yêu cầu.

3. Các Phó Giám đốc chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở và trước pháp luật về

nhiệm vụ được phân công; khi Giám đốc Sở vắng mặt, một Phó Giám đốc Sở được Giám đốc Sở ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Sở.

4. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của Sở và tình hình thực tế, trong quá trình chỉ đạo điều hành hoạt động của Sở, Giám đốc Sở có quyền quyết định thành lập, giải thể, sáp nhập các phòng, ban chức năng của Sở cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ trong từng thời kỳ, sau khi trao đổi thống nhất với Giám đốc Sở Nội vụ.

5. Giám đốc Sở được quyền bổ nhiệm, bãi nhiệm các chức danh lãnh đạo các phòng, ban và các đơn vị trực thuộc Sở, trừ các chức danh do Ủy ban nhân dân thành phố hoặc Giám đốc Sở Nội vụ bổ nhiệm theo phân cấp quản lý cán bộ của thành phố.

6. Các đơn vị trực thuộc Sở căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, có trách nhiệm phối hợp tổ chức triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch công tác của đơn vị được Giám đốc Sở giao hàng năm.

Điều 6. Cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Xây dựng

1. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân công và ủy quyền, Giám đốc Sở Xây dựng chỉ đạo sắp xếp cơ cấu tổ chức bộ máy các phòng, ban chuyên môn của Sở; xác định nhiệm vụ, biên chế cho từng phòng, ban và bổ nhiệm, sắp xếp nhân sự phù hợp nhằm bảo đảm hoạt động quản lý hành chính nhà nước về xây dựng và nhà có hiệu quả thiết thực.

2. Các phòng, ban cơ quan Sở gồm có: Văn phòng, Thanh tra và các phòng, ban chuyên môn do Giám đốc Sở thành lập trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của Sở Xây dựng.

3. Các đơn vị trực thuộc Sở Xây dựng gồm:

- Trường Trung cấp Xây dựng;
- Trung tâm Thông tin và Dịch vụ Xây dựng;
- Tạp chí Sài Gòn đầu tư.
- Ban Quản lý Dự án đầu tư Xây dựng công trình;

4. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân công và ủy quyền, Giám đốc Sở Xây dựng sau khi trao đổi thống nhất với Giám đốc Sở Nội vụ thành phố, đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố quyết định bổ sung, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, thành lập mới hoặc giải thể các đơn vị trực thuộc Sở.

5. Giám đốc Sở Xây dựng quyết định ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của các phòng, ban chuyên môn phù hợp với Quy chế này.

Chương IV

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 7. Đối với Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố

1. Sở Xây dựng chịu sự giám sát, có trách nhiệm báo cáo, trình bày hoặc cung cấp tài liệu cần thiết cho Hội đồng nhân dân thành phố; trả lời các chất vấn, kiến nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước của Sở Xây dựng.

2. Sở Xây dựng chấp hành sự chỉ đạo, chịu sự kiểm tra, kiểm soát của Ủy ban nhân dân thành phố đối với các hoạt động quản lý hành chính nhà nước của Sở; có trách nhiệm báo cáo định kỳ, đột xuất tình hình, kế hoạch hoạt động của Sở cho Ủy ban nhân dân thành phố theo chế độ quy định; tham gia đầy đủ các cuộc họp do Ủy ban nhân dân thành phố triệu tập.

3. Sở Xây dựng báo cáo, xin chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố để giải quyết các vấn đề vượt quá quyền hạn được giao và đối với những vấn đề chưa được các sở - ngành, quận - huyện nhất trí.

4. Sở Xây dựng có trách nhiệm xin ý kiến của Ủy ban nhân dân thành phố trước khi kiến nghị lên Bộ Xây dựng những vấn đề thuộc lĩnh vực mà Ủy ban nhân dân thành phố chưa ủy quyền.

5. Trường hợp chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố có những điểm không còn phù hợp hoặc trái với quy định hiện hành của Nhà nước thì Sở Xây dựng chủ động đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố tạm ngưng thực hiện hoặc sửa đổi, bổ sung hay hủy bỏ theo quy định của pháp luật.

6. Tổng hợp và lập báo cáo tình hình hoạt động của ngành xây dựng trên địa bàn thành phố cho Ủy ban nhân dân thành phố theo định kỳ hoặc đột xuất.

Điều 8. Đối với Bộ Xây dựng

1. Sở Xây dựng chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ và báo cáo kết quả thực hiện cho Bộ Xây dựng; dự đầy đủ các cuộc họp và tập huấn nghiệp vụ do Bộ Xây dựng và các cơ quan của Bộ Xây dựng triệu tập.

2. Trường hợp chỉ đạo hoặc hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ của Bộ Xây dựng chưa thống nhất với chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố hoặc các chỉ đạo và hướng dẫn của cấp trên mà Sở Xây dựng xét thấy chưa phù hợp với tình hình thực tiễn của thành phố, Sở Xây dựng phải kịp thời báo cáo và đề xuất để Ủy ban nhân dân

thành phố làm việc với Bộ trưởng hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

3. Tổng hợp và lập báo cáo tình hình hoạt động của ngành xây dựng trên địa bàn thành phố cho Bộ Xây dựng theo định kỳ hoặc đột xuất.

Điều 9. Đối với các Bộ - ngành Trung ương có liên quan

1. Sở Xây dựng trung cầu và tiếp nhận ý kiến đóng góp của các Bộ - ngành Trung ương đối với hoạt động của Sở.

2. Tổ chức trao đổi thông tin có liên quan nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước của Sở.

Điều 10. Đối với các Sở thuộc khối quản lý đô thị của thành phố

1. Chủ động phối hợp chặt chẽ với các Sở thuộc khối quản lý đô thị nhằm có sự thống nhất cao và hỗ trợ lẫn nhau trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mỗi Sở.

2. Chủ động tổ chức trao đổi thông tin có liên quan nhằm thống nhất số liệu, dữ liệu và sử dụng có hiệu quả trong hoạt động chuyên môn của mỗi Sở.

Điều 11. Đối với các Sở - ngành khác của thành phố

1. Các văn bản mang tính pháp quy do Sở Xây dựng dự thảo trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành đều phải gửi đến Sở Tư pháp để góp ý, thẩm định theo đúng quy định về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Đối với các vấn đề vướng mắc có liên quan đến các sở - ngành khác, khi báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố phải có ý kiến của các sở - ngành đó bằng văn bản. Nếu sau 10 (mười) ngày làm việc, sở - ngành khác nhận được văn bản hỏi tham khảo ý kiến của Sở Xây dựng mà không có văn bản trả lời thì coi như đồng ý với kiến nghị của Sở Xây dựng trình Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Sở Xây dựng chủ động trao đổi nắm thông tin có liên quan với các sở - ngành khác để bổ sung vào nguồn tài liệu, cơ sở dữ liệu của Sở.

Điều 12. Đối với Ủy ban nhân dân quận - huyện

1. Phối hợp, hướng dẫn, kiểm tra và đôn đốc Ủy ban nhân dân quận - huyện thực hiện các nội dung quản lý nhà nước thuộc chức năng của Sở Xây dựng phụ trách nhằm giúp Ủy ban nhân dân quận - huyện thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình trong việc quản lý ngành, đồng thời, đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý hành vi vi phạm pháp luật kịp thời khi phát hiện các vi phạm quản lý.

2. Tổ chức tập huấn, đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ; kiểm tra, đôn đốc thực hiện chuyên môn đối với các cơ quan, đơn vị có chức năng xây dựng và nhà của các quận - huyện.

3. Xây dựng quy định, hướng dẫn và đôn đốc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tình hình hoạt động của ngành xây dựng trên địa bàn của quận - huyện đối với cơ quan, đơn vị chuyên môn của quận - huyện.

Điều 13. Đối với các tổ chức Đảng và đoàn thể của thành phố

1. Đối với các Ban của Thành ủy, Sở Xây dựng có mối quan hệ trực tiếp để thông qua đó tiếp nhận những định hướng lãnh đạo, chỉ đạo của Thành ủy.

2. Chủ động phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức đoàn thể trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của Sở Xây dựng. Tạo điều kiện cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thành phố và các đoàn thể tham gia ý kiến với Sở Xây dựng trong việc tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật có liên quan đến ngành.

3. Đối với những vấn đề vướng mắc có liên quan, Giám đốc Sở Xây dựng trao đổi ý kiến với lãnh đạo các đoàn thể (bằng văn bản) trước khi trình Ủy ban nhân dân thành phố.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Giám đốc Sở Xây dựng có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này, tổng hợp và báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân thành phố, của Bộ Xây dựng về tình hình hoạt động của Sở Xây dựng, tình hình các mặt công tác thuộc chức năng quản lý nhà nước của Sở trên địa bàn thành phố.

Điều 15. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có những điểm không còn phù hợp với quy định của Nhà nước, Giám đốc Sở Xây dựng có trách nhiệm kịp thời báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố (thông qua Sở Nội vụ) để xem xét, điều chỉnh bổ sung, sửa đổi Quy chế này cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 338/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 01 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành Kế hoạch triển khai công tác phổ biến,
giáo dục pháp luật năm 2010 trên địa bàn
thành phố Hồ Chí Minh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 31/2009/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2009 về Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh năm 2010 và bổ sung Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh của Quốc hội nhiệm kỳ khóa XII (2007 - 2011);

Căn cứ Quyết định số 37/2008/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật từ năm 2008 đến năm 2012;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp - Cơ quan Thường trực Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thành phố tại Tờ trình số 4107/TTr-STP-TT ngày 31 tháng 12 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2010 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Căn cứ vào Kế hoạch triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2010 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh của Ủy ban nhân dân thành phố: các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố và Ủy ban nhân dân các quận, huyện xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật ở cơ quan, tổ chức, địa phương mình.

Điều 3. Sở Tư pháp - Cơ quan Thường trực Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thành phố đơn đốc, kiểm tra việc tổ chức, thực hiện các nội dung của Kế hoạch.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể thành phố, Thường trực Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2010 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 338/QĐ-UBND
ngày 21 tháng 01 năm 2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Phổ biến, giáo dục pháp luật là nhiệm vụ trọng tâm của các cấp, các ngành, được thực hiện thường xuyên, liên tục với sự phối hợp thống nhất giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương; gắn kết vào việc tổ chức thực hiện các Chương trình, Đề án của Trung ương, địa phương và các phong trào thi đua, các cuộc vận động lớn của Ủy ban nhân dân các cấp, của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc.

2. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật phải được triển khai rộng khắp đến các cơ quan, tổ chức, đến mọi cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và các đối tượng nhân dân khác trên địa bàn thành phố. Qua đó, góp phần đưa các chủ trương, chính sách Đảng và Nhà nước đến các đối tượng, nâng cao hiểu biết và hình thành ý thức tự giác chấp hành pháp luật của các đối tượng.

3. Hình thức, biện pháp phổ biến, giáo dục pháp luật phải không ngừng đổi mới; nội dung tuyên truyền phải có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với yêu cầu thực tiễn của từng đối tượng. Khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân tham gia vào các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm thu hút nhiều nguồn lực trong xã hội tham gia công tác này.

II. NỘI DUNG PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

1. Các văn bản pháp luật cần được tập trung phổ biến trong năm 2010:

a) Cần tập trung tuyên truyền, phổ biến các nội dung cơ bản, chủ yếu của các văn bản Luật đã được Quốc hội khóa XII thông qua trong kỳ họp thứ 5, thứ 6 vừa qua gồm: Luật Bảo hiểm xã hội; Luật Thuế thu nhập cá nhân; Luật Giao thông đường bộ; Luật Cán bộ, công chức; Luật Bảo hiểm y tế; Luật Thi hành án dân sự; Luật sửa đổi,

bổ sung một số điều liên quan đến đất đai, đầu tư xây dựng cơ bản; Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; Luật Lý lịch tư pháp; Luật Quản lý công nợ; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật Hình sự; Luật Sở hữu trí tuệ; Luật Quốc tịch; Luật Dân quân tự vệ; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục; Luật Khám bệnh, chữa bệnh v.v...

b) Căn cứ vào tình hình thực tế và nhu cầu phổ biến, giáo dục pháp luật của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong năm 2010, ngoài những văn bản pháp luật mới được ban hành, Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật các sở, ngành, quận, huyện cần tiếp tục phổ biến rộng rãi đến đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và các tầng lớp nhân dân các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành hoặc các văn bản pháp luật quan trọng, thiết yếu cho đời sống xã hội như: Bộ Luật Dân sự; Luật Phòng cháy và chữa cháy; Luật Đất đai; Luật Bình đẳng giới; Luật Phòng, chống tham nhũng; Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Luật Phòng, chống bạo lực gia đình; Luật Khiếu nại, tố cáo; Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và một số nghị định của Chính phủ về xử phạt hành chính trong các lĩnh vực.

c) Ngoài việc tập trung phổ biến các văn bản pháp luật do các cơ quan Trung ương ban hành, trong năm 2010 các sở, ban, ngành thành phố và các địa phương cần tập trung phổ biến các chủ trương, chính sách, các văn bản pháp luật do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành.

Kết hợp chặt chẽ việc tuyên truyền văn bản pháp luật với các cuộc vận động lớn, các phong trào thi đua của thành phố như: trật tự văn minh đô thị; cải cách hành chính; phòng, chống tội phạm, đảm bảo trật tự an ninh cơ sở và đặc biệt là gắn với cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”. Qua đó, nâng cao nhận thức chính trị, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cho mọi cán bộ, công chức, viên chức và người dân, đảm bảo hoàn thành tốt các nhiệm vụ trọng tâm của thành phố.

2. Tổ chức thực hiện các Đề án, Chương trình của Trung ương và địa phương:

Trong năm 2010, các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cần được lồng ghép với việc thực hiện các Đề án, Chương trình của Trung ương và địa phương, cụ thể:

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các kiến thức pháp luật Việt Nam và quốc tế về biển, đảo theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X về “Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020”.

- Tổ chức thực hiện và tổng kết thực hiện các Đề án theo Quyết định số 212/QĐ-TTg ngày 16 tháng 12 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ:

+ Đề án 1: Đưa thông tin pháp luật đến cán bộ, nhân dân thông qua phương tiện thông tin đại chúng và các thiết chế văn hóa thông tin ở xã, phường, thị trấn.

+ Đề án 2: Xây dựng và đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động chấp hành pháp luật trong cộng đồng dân cư.

+ Đề án 3: Tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật về khiếu nại, tố cáo ở xã, phường, thị trấn.

+ Đề án 4: Phát huy vai trò của cơ quan và cán bộ tư pháp trong phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cho cán bộ, nhân dân ở xã, phường, thị trấn.

- Tổ chức thực hiện các Đề án theo Quyết định số 37/2008/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật từ năm 2008 đến năm 2012:

+ Đề án thứ nhất: “Tuyên truyền và phổ biến pháp luật cho người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số”;

+ Đề án thứ hai: “Củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đáp ứng yêu cầu đổi mới của đất nước”;

+ Đề án thứ ba: “Nâng cao chất lượng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường”;

+ Đề án thứ tư: “Tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người lao động và người sử dụng lao động trong các loại hình doanh nghiệp”.

- Tổ chức thực hiện Đề án “Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về phòng, chống tội phạm; tăng cường tuyên truyền, giáo dục pháp luật và trách nhiệm công dân về bảo vệ an ninh trật tự” theo Quyết định số 138/1998/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm;

- Tổ chức thực hiện Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2009 của Chính phủ về Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng;

- Thực hiện Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh tại Nghị định số 66/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

III. TẬP TRUNG PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG CỤ THỂ

1. Đối tượng cán bộ, công chức của các sở, ngành; quận, huyện:

- Chú trọng việc phổ biến các văn bản pháp luật mới được Quốc hội ban hành có liên quan đến các hoạt động của cán bộ, công chức như: Luật Cán bộ, công chức; Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; Luật Giao thông đường bộ; Luật Bảo hiểm y tế; Luật Bảo hiểm xã hội; Luật Quản lý nợ công .v.v.

- Tiếp tục tuyên truyền các văn bản pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; khiếu nại, tố cáo; các văn bản về xử lý vi phạm hành chính; bình đẳng giới; phòng, chống bạo lực gia đình; nếp sống văn minh đô thị và các văn bản pháp luật chuyên ngành về lĩnh vực công tác.

2. Tiếp tục việc tuyên truyền pháp luật cho người nước ngoài nhập cảnh vào thành phố và các tổ chức, cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan trong việc quản lý, sử dụng lao động người nước ngoài tại thành phố Hồ Chí Minh.

Nội dung phổ biến: Luật Cư trú; Luật Đầu tư nước ngoài; Luật Du lịch; Pháp lệnh Nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành; Pháp luật về lao động cho tổ chức, cá nhân nước ngoài làm việc tại Việt Nam; Pháp luật về lao động; Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và các nghị định xử phạt vi phạm hành chính có liên quan.

3. Phổ biến, giáo dục pháp luật trong ngành giáo dục thành phố.

Tập trung phổ biến các nội dung như: Luật Giáo dục; Luật Bình đẳng giới; Luật Giao thông đường bộ; Luật Hôn nhân và gia đình; Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Ngoài ra còn phổ biến các nội dung khác có liên quan như quy chế thi cử; nếp sống văn minh đô thị; quy chế dân chủ trong nhà trường.

4. Phổ biến, giáo dục pháp luật cho thanh thiếu niên.

Nội dung tuyên truyền cho đối tượng này gồm: Luật Thanh niên; Luật Phòng, chống ma túy; Luật Giao thông đường bộ; Luật Giáo dục; Luật Quốc phòng; Luật Biên giới quốc gia, Luật Nghĩa vụ quân sự; Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam; Luật Công an nhân dân; Luật Dân quân tự vệ; Pháp lệnh Dự bị động viên và các văn bản pháp luật khác có liên quan đến học tập và sinh hoạt của học sinh, sinh viên.

5. Phổ biến, giáo dục pháp luật cho người sử dụng lao động và người lao động trong các doanh nghiệp:

- Tiếp tục phổ biến bằng nhiều hình thức khác nhau về các văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân thành phố có liên quan đến doanh nghiệp về vệ sinh môi trường, về đất đai, xây dựng, về phí và lệ phí, về giao thông;

- Tập trung tuyên truyền các văn bản pháp luật về lao động; phòng cháy, chữa cháy; các quy định về xử lý vi phạm hành chính và các văn bản pháp luật có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của người lao động và người sử dụng lao động và lĩnh vực, ngành nghề sản xuất, kinh doanh;

- Phổ biến, giáo dục pháp luật cho công nhân lao động bằng các chuyên đề như Luật Lao động, Luật Bảo hiểm y tế, Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Công đoàn, xử lý vi phạm hành chính.

6. Phổ biến pháp luật cho đối tượng hòa giải viên cơ sở, thanh tra nhân dân, ban điều hành khu phố, ban nhân dân ấp, tổ dân phố, tổ nhân dân.

Tiếp tục phổ biến một số quy định của pháp luật có liên quan đến các hoạt động hòa giải ở cơ sở như: các quy định về thừa kế trong Bộ Luật Dân sự; các quy định về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất; bồi thường đất đai, chế độ tài chính về đất đai; Luật Xây dựng; Luật Hôn nhân và gia đình; Luật Khiếu nại, tố cáo và các quy định về xử lý vi phạm hành chính... Ngoài các văn bản luật nêu trên, để giúp các hòa giải viên thực hiện tốt nhiệm vụ hòa giải, cần phải bồi dưỡng các kỹ năng như: kỹ năng hòa giải, kỹ năng ghi chép biên bản, kỹ năng tuyên truyền, kỹ năng giáo dục, thuyết phục...

7. Phổ biến, giáo dục pháp luật cho nhân dân tại các địa bàn dân cư các quy định pháp luật liên quan trực tiếp đến đời sống của nhân dân như: Luật Dân sự; Luật Đất đai; Luật Phòng, chống ma túy; Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; Luật Hôn nhân và gia đình; Luật Khiếu nại, tố cáo; Luật Giao thông đường bộ; Luật Phòng cháy và chữa cháy; Luật Phòng, chống bạo lực gia đình và các quy định về xử phạt vi phạm hành chính; về nếp sống văn minh đô thị.

IV. BIỆN PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, lãnh đạo:

- Tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09 tháng 12 năm 2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IX) về tăng cường sự chỉ đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân; Chỉ thị số 08-CT/TU ngày 25 tháng 7 năm 2008 của Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh “về tăng cường lãnh đạo phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân”.

- Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thành phố chỉ đạo triển khai thực hiện Đề án “Củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đáp ứng yêu cầu đổi mới, phát triển của đất nước” (Ban hành kèm theo Quyết định số 270/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ). Trên cơ sở này, đánh giá lại năng lực tổ chức và hoạt động của Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của từng cấp, của từng thành viên và đội ngũ báo cáo viên pháp luật. Qua đó, có những giải pháp củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

- Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thành phố tổ chức xây dựng quy chế quản lý báo cáo viên pháp luật trên địa bàn thành phố cho phù hợp với điều kiện, yêu cầu công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

- Tăng cường sự phối hợp giữa Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật các cấp với các cơ quan, đơn vị có liên quan và các cơ quan truyền thông đại chúng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, qua đó nâng cao hiệu quả hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật theo các nội dung của Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật từ năm 2009 đến năm 2012 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh (ban hành kèm theo Quyết định số 537/QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh).

- Thường xuyên tổ chức việc kiểm tra, hướng dẫn công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn thành phố; đồng thời khuyến khích việc huy động các nguồn lực xã hội tham gia công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

2. Tổ chức thực hiện:

- Củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; kiến nghị với Trung ương cho thành phố thực hiện cơ chế mới về chế độ tài chính đối với báo cáo viên, tuyên truyền viên bằng việc huy động các nguồn hỗ trợ ngoài ngân sách. Thực hiện việc rà soát lại đội ngũ báo cáo viên, bổ sung vào đội ngũ này những người có năng lực, trình độ, sở trường, năng khiếu, nhiệt tình, yêu nghề để không ngừng nâng cao hiệu quả của công tác tuyên truyền miệng.

- Tiếp tục thực hiện tập trung công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tại cơ sở, bảo đảm tính hiệu quả, sát với thực tiễn nhu cầu từng địa bàn, từng đối tượng.

- Đẩy mạnh việc đổi mới và đa dạng hóa các hình thức, biện pháp phổ biến, giáo dục pháp luật; tăng cường bồi dưỡng kiến thức pháp luật, tổ chức hội thảo chuyên đề, tập huấn chuyên sâu về kỹ năng tuyên truyền pháp luật cho báo cáo viên pháp luật; tổ chức hội nghị phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực quốc phòng - an ninh cho đối tượng là phóng viên, biên tập viên các báo, đài trên địa bàn thành phố; đa dạng các loại đề cương tuyên truyền, tài liệu hỏi đáp pháp luật, sách cẩm nang pháp luật, đĩa hình các tiểu phẩm sân khấu, tờ gấp tuyên truyền pháp luật; tổ chức các hình thức thi tìm hiểu pháp luật cho đối tượng cán bộ, công chức; công an viên; hòa giải viên cơ sở; đổi mới hình thức tuyên truyền miệng bằng các hình thức kết hợp nghe - nhìn, minh họa bằng hình ảnh trực quan sinh động các tình huống pháp luật; thông báo giới thiệu, luân chuyển các đầu sách trong tủ sách pháp luật, tăng cường xây dựng tủ sách, ngăn sách pháp luật ở cơ quan, đơn vị, trường học và doanh nghiệp.

- Các phương tiện thông tin đại chúng trên địa bàn thành phố như: Đài Truyền hình thành phố, Đài Tiếng nói nhân dân thành phố, Báo Pháp luật thành phố, Báo Tuổi trẻ, .v.v... cần tăng cường các hình thức tuyên truyền, phổ biến pháp luật phù hợp với nhu cầu thực tiễn của các đối tượng người dân.

- Tổ chức nhiều hình thức trợ giúp pháp lý miễn phí cho các đối tượng như: người nghèo, người có công với cách mạng, người già cô đơn, người tàn tật, trẻ em không nơi nương tựa... qua đó giúp họ bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của mình, đồng thời từng bước nâng cao hiểu biết pháp luật cho các đối tượng này.

- Chú trọng xây dựng và củng cố đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở, đề xuất các mô hình tổ hòa giải phù hợp với từng địa bàn khu dân cư. Đồng thời, có kế hoạch bồi dưỡng về nghiệp vụ hòa giải, kiến thức pháp luật cần thiết cho các hòa giải viên, thực hiện chế độ bồi dưỡng cho các hòa giải viên theo quy định.

3. Phân công thực hiện:

a) Trên cơ sở Kế hoạch này, các sở, ngành, quận, huyện xây dựng kế hoạch chi tiết và triển khai thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tại cơ quan, đơn vị mình.

b) Giao Sở Tư pháp - Cơ quan thường trực của Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thành phố phối hợp với các phương tiện truyền thông đại chúng trên địa bàn xây dựng các chương trình, chuyên mục phổ biến, giáo dục pháp luật phong phú và hiệu quả. Phối hợp với các sở, ngành thành phố và các cơ quan, tổ chức khác thực hiện việc xã hội hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

c) Giao Thường trực Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thành phố triển khai, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch này.

Định kỳ hàng quý tổ chức đánh giá, nêu rõ những mặt làm được, chưa làm được và những nguyên nhân cụ thể để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố có biện pháp chỉ đạo kịp thời.

d) Giao Thường trực Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật các cấp xây dựng, củng cố, kiện toàn đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên, hòa giải viên, tổ chức các hình thức tập huấn các văn bản pháp luật, các kỹ năng tuyên truyền theo Kế hoạch này.

đ) Giao Sở Tài chính trên cơ sở các quy định của pháp luật về công tác tài chính thực hiện việc cấp kinh phí cho Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thành phố, các Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của các sở, ngành, quận, huyện để tổ chức thực hiện tốt công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn thành phố.

e) Giao Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thanh tra thành phố, Sở Tư pháp tổ chức thực hiện các Chương trình, Đề án do cơ quan, đơn vị chủ trì về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, đồng thời phối hợp với các cơ quan, đơn vị khác triển khai tuyên truyền, phổ biến pháp luật theo yêu cầu. Định kỳ có báo cáo kết quả thực hiện cho Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thành phố./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

Nguyễn Thành Tài

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 5****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2010/QĐ-UBND

*Quận 5, ngày 21 tháng 01 năm 2010***QUYẾT ĐỊNH****Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động
của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận 5****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 725/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 35/2008/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 14 tháng 7 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Căn cứ Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện;

Căn cứ Quyết định số 05/2009/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2009 của Ủy

ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận - huyện;

Căn cứ Quyết định số 2171/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận 5 về sắp xếp tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận 5;

Xét Báo cáo thẩm định số 03/BC-TP ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Trưởng Phòng Tư pháp quận 5;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 008/GDDT ngày 11 tháng 01 năm 2010 và Tờ trình số 16/TTr-NV ngày 12 tháng 01 năm 2010 của Trưởng Phòng Nội vụ quận 5,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận 5.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 07 (bảy) ngày, kể từ ngày ký; thay thế Quyết định số 3685/QĐ-UB ngày 22 tháng 10 năm 1996 của Ủy ban nhân dân quận 5 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Giáo dục - Đào tạo quận 5.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Nội vụ, Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các đơn vị liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường quận 5 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Văn Khoa

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 5**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận 5

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/2010/QĐ-UBND
ngày 21 tháng 01 năm 2010 của Ủy ban nhân dân quận 5)*

Chương I

VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo quận 5 là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận 5.

Phòng Giáo dục và Đào tạo quận 5 có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp, toàn diện về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân quận; đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Giáo dục và Đào tạo.

2. Phòng Giáo dục và Đào tạo quận 5 có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận 5 thực hiện việc quản lý nhà nước về các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, bao gồm: mục tiêu, chương trình và nội dung giáo dục và đào tạo; tiêu chuẩn nhà giáo và tiêu chuẩn cán bộ quản lý giáo dục, tiêu chuẩn cơ sở vật chất, thiết bị trường học và đồ chơi trẻ em; quy chế thi cử và cấp văn bằng, chứng chỉ, bảo đảm chất lượng giáo dục và đào tạo.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Trình Ủy ban nhân dân quận:

a) Dự thảo văn bản hướng dẫn thực hiện cơ chế chính sách, pháp luật, các quy định của Ủy ban nhân dân thành phố về hoạt động giáo dục trên địa bàn;

b) Dự thảo quyết định, chỉ thị, kế hoạch 5 năm, hàng năm và chương trình, nội dung cải cách hành chính nhà nước về lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn;

c) Dự thảo quy hoạch mạng lưới các trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học (trừ cấp trung học phổ thông), trường tiểu học, cơ sở giáo dục mầm non và trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo;

d) Dự thảo các quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, đình chỉ hoạt động, giải thể các cơ sở giáo dục công lập, gồm: trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học (trừ cấp trung học phổ thông), trường tiểu học, cơ sở giáo dục mầm non, trung tâm học tập cộng đồng; cho phép thành lập, đình chỉ hoạt động, giải thể các trường, các cơ sở giáo dục ngoài công lập thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân quận theo quy định của pháp luật.

2. Hướng dẫn và chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch phát triển giáo dục ở địa phương sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt; hướng dẫn, tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách về xã hội hóa giáo dục; huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực để phát triển sự nghiệp giáo dục trên địa bàn; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và thông tin về giáo dục; chỉ đạo và tổ chức thực hiện cải cách hành chính nhà nước thuộc lĩnh vực giáo dục trên địa bàn; thực hiện mục tiêu, chương trình nội dung, kế hoạch, chuyên môn, nghiệp vụ, các hoạt động giáo dục, phổ cập giáo dục; công tác tuyển sinh, thi cử, xét duyệt, cấp phát văn bằng, chứng chỉ đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn.

3. Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục các ngành học, cấp học trong phạm vi quản lý của quận sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Tổ chức ứng dụng các kinh nghiệm, thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến trong giáo dục, tổng kết kinh nghiệm, sáng kiến của địa phương.

5. Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra và tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn; xây dựng và nhân điển hình tiên tiến về giáo dục trên địa bàn quận.

6. Hướng dẫn, kiểm tra các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập và ngoài công lập thuộc phạm vi quản lý của quận xây dựng kế hoạch biên chế; tổng hợp biên chế của các cơ sở giáo dục công lập thuộc phạm vi quản lý của quận, trình cấp có thẩm quyền quyết định.

7. Giúp Ủy ban nhân dân quận hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về nhiệm vụ, tổ chức, biên chế, tài chính các cơ sở

giáo dục và đào tạo công lập theo phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố và quy định của pháp luật.

8. Phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch lập dự toán và phân bổ ngân sách giáo dục, dự toán chi các chương trình mục tiêu quốc gia hàng năm về giáo dục của quận theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo và Sở Tài chính.

9. Kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm theo thẩm quyền việc thực hiện chính sách, pháp luật, kế hoạch, chương trình, đề án và các quy định của cấp có thẩm quyền trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của công dân về lĩnh vực giáo dục thuộc thẩm quyền; thực hành tiết kiệm, phòng chống tham nhũng, lãng phí theo quy định của pháp luật.

10. Quản lý biên chế, thực hiện tuyển dụng, hợp đồng làm việc, điều động, luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ và thực hiện chế độ, chính sách, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của Phòng theo quy định của pháp luật và ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

11. Quản lý tài chính, tài sản, cơ sở vật chất được giao theo quy định của pháp luật và ủy quyền của Ủy ban nhân dân quận.

12. Thực hiện công tác báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao với Ủy ban nhân dân quận và Sở Giáo dục và Đào tạo.

13. Thực hiện những nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận giao và theo quy định của pháp luật.

Chương III **CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BIÊN CHẾ**

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo có Trưởng phòng và không quá 03 Phó Trưởng phòng.

a) Trưởng phòng chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân quận và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Phòng.

b) Các Phó Trưởng phòng chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và trước pháp luật về các nhiệm vụ được phân công.

c) Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Trưởng phòng và Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức sự nghiệp giáo dục ở quận gồm: trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học (trừ cấp trung học phổ thông), trường tiểu học, trường phổ thông dân tộc bán trú (nếu có), cơ sở giáo dục mầm non và trung tâm học tập cộng đồng.

Việc thành lập, sáp nhập, giải thể, chia tách, tổ chức lại các tổ chức sự nghiệp giáo dục công lập ở quận do Ủy ban nhân dân quận quyết định theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và quy định của pháp luật.

3. Tổ chức sự nghiệp giáo dục do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thành lập hoặc cho phép thành lập và giao Ủy ban nhân dân quận trực tiếp quản lý bằng văn bản: một số trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học (trong đó, có cấp trung học phổ thông), trung tâm giáo dục thường xuyên quận, trung tâm kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp quận, trường bồi dưỡng giáo dục quận.

Điều 4. Bộ máy

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ nêu trên, Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức thành các bộ phận gồm những công chức được phân công đảm nhận các chức danh công việc trên các mặt công tác:

- Tổ quản lý khối mầm non;
- Tổ quản lý khối tiểu học;
- Tổ quản lý khối trung học cơ sở và các đơn vị trực thuộc;
- Tổ chỉ đạo nghiệp vụ và thanh tra giáo dục;
- Tổ công tác tổ chức - cán bộ;
- Tổ hành chính - tổng hợp - kế hoạch - văn thư.

Căn cứ khối lượng công việc và tình hình nhân sự cụ thể của Phòng, mỗi mặt công tác cần được cụ thể hóa thành những nhiệm vụ chi tiết, những công việc, phần việc cụ thể, rõ ràng để xác định chức danh của cán bộ - công chức và số lượng biên chế cho phù hợp.

Phụ trách từng việc do lãnh đạo Phòng trực tiếp quản lý, có thể kết hợp làm việc theo chế độ chuyên viên tùy theo tính chất, khối lượng công việc do Trưởng phòng quy định.

Điều 5. Biên chế

Biên chế hành chính của Phòng Giáo dục và Đào tạo được xác định trên cơ sở căn cứ vào khối lượng, tính chất, đặc điểm cụ thể công tác giáo dục và đào tạo của quận; số lượng biên chế của Phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định trong tổng biên chế hành chính của quận được Ủy ban nhân dân thành phố giao.

Chương IV

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 6. Chế độ làm việc

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo làm việc theo chế độ thủ trưởng. Trưởng phòng phụ trách, điều hành tất cả các hoạt động của Phòng và phụ trách những công tác trọng tâm. Các Phó Trưởng phòng phụ trách những lĩnh vực công tác được Trưởng phòng phân công, trực tiếp giải quyết các công việc phát sinh.

2. Khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn của Phó Trưởng phòng khác, Phó Trưởng phòng chủ động bàn bạc thống nhất hướng giải quyết, chỉ trình Trưởng phòng quyết định các vấn đề chưa nhất trí với các Phó Trưởng phòng khác hoặc những vấn đề mới phát sinh mà chưa có chủ trương, kế hoạch và biện pháp giải quyết.

3. Trong trường hợp Trưởng phòng trực tiếp yêu cầu các cán bộ, chuyên viên giải quyết công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của Phó Trưởng phòng, yêu cầu đó được thực hiện nhưng cán bộ phải báo cáo cho Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách biết.

Điều 7. Chế độ sinh hoạt, hội họp

1. Hàng tuần, lãnh đạo Phòng họp giao ban một lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và phổ biến kế hoạch công tác cho tuần sau;

2. Theo định kỳ trên, các bộ phận họp với Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách để đánh giá công việc, bàn phương hướng triển khai công tác và thống nhất lịch công tác;

3. Mỗi tháng họp toàn thể cơ quan một lần; tùy theo tình hình công tác có thể tổ chức họp đột xuất để đảm bảo hoàn thành công việc được giao;

4. Mỗi thành viên trong từng bộ phận có lịch công tác do lãnh đạo Phòng trực tiếp phê duyệt;

5. Lịch làm việc với các cơ sở của Phòng (các tổ chức và cá nhân có liên quan) phải nêu cụ thể trong lịch công tác hàng tuần, tháng của đơn vị; nội dung làm việc được chuẩn bị chu đáo để kịp thời giải quyết có hiệu quả các yêu cầu phát sinh liên quan đến hoạt động chuyên môn của Phòng.

Điều 8. Các mối quan hệ công tác

1. Đối với Ủy ban nhân dân quận:

a) Phòng Giáo dục và Đào tạo chịu sự lãnh đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban

nhân dân quận về toàn bộ công tác giáo dục và đào tạo, Trưởng phòng trực tiếp nhận chỉ thị và nội dung công tác từ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch phụ trách khối và phải thường xuyên báo cáo với Ủy ban nhân dân quận về những mặt công tác đã được phân công;

b) Theo định kỳ phải báo cáo Ủy ban nhân dân quận về nội dung công tác của Phòng và đề xuất các biện pháp chuyên môn trong quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

2. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo:

Phòng Giáo dục và Đào tạo chịu sự hướng dẫn và kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Giáo dục và Đào tạo, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và báo cáo công tác chuyên môn theo yêu cầu của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

3. Đối với các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân quận:

a) Thực hiện mối quan hệ hợp tác và phối hợp trên cơ sở bình đẳng, để thực hiện chức năng theo quy định, dưới sự điều hành chung của Ủy ban nhân dân quận, nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị và kế hoạch kinh tế - xã hội của quận. Trong trường hợp Phòng Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp giải quyết công việc, nếu chưa nhất trí với ý kiến của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn khác, Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo chủ động tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, quyết định;

b) Trước khi trình văn bản, Đề án cho Ủy ban nhân dân quận quyết định, Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo phải chủ động quan hệ, thảo luận với các cơ quan chuyên môn khác về những vấn đề có liên quan đến các cơ quan đó.

4. Đối với Ủy ban nhân dân phường:

a) Phòng Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm hướng dẫn về nghiệp vụ ngành để Ủy ban nhân dân phường thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo trong phạm vi địa phương theo quy định của Nhà nước;

b) Thực hiện chế độ thanh tra, kiểm tra ngành theo chức năng của Phòng và khi Ủy ban nhân dân quận yêu cầu;

c) Cung cấp cho phường các tài liệu, thông tin cần thiết phục vụ cho việc thực hiện nhiệm vụ ngành tại địa phương.

5. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận:

Khi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc quận, phường các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận có yêu cầu, kiến nghị các vấn đề thuộc

chức năng của Phòng, Trưởng phòng có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân quận giải quyết các yêu cầu đó theo thẩm quyền.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Căn cứ Quy chế này, Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm, cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của Phòng, quyền hạn, trách nhiệm, chức danh, tiêu chuẩn công chức của Phòng phù hợp với đặc điểm của địa phương, nhưng không trái với nội dung Quy chế này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định để thi hành.

Điều 10. Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm thực hiện quy chế sau khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền, Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo phối hợp Trưởng Phòng Nội vụ đề xuất, kiến nghị với Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, giải quyết hoặc bổ sung và sửa đổi Quy chế cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Văn Khoa

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: ttcb@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

Giá: 5.000 đồng